

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2017/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**Quy định hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị
thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 574/TTr-SNN-CSTT ngày 21 tháng 11 năm 2017.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của các loại hình thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định 02/2017/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, diêm dân, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối (sau đây gọi là hộ sản xuất) bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (không phải đền bù thiệt hại).

2. Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của từng địa phương trong tỉnh.

3. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

4. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Các hộ sản xuất bị thiệt hại được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

1. Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.

2. Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản (theo Mẫu số 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP) hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi; trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản kê khai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào kê khai. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

3. Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

4. Thời điểm xảy ra thiệt hại:

a) Đối với thiên tai: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh xác nhận;

b) Đối với dịch bệnh: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

Điều 5. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với nuôi gia cầm bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

a) Hỗ trợ nuôi gia cầm:

- Gà (không bao gồm gà ác), vịt, ngan, ngỗng: Đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 20.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 35.000 đồng/con.

- Gà ác: Đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 25.000 đồng/con.

b) Hỗ trợ nuôi chim cút: Đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 đồng/con.

c) Hỗ trợ nuôi bò câu: Đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 25.000 đồng/con.

2. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

a) Diện tích nuôi tôm sú dưới 90 ngày tuổi.

- Bị thiệt hại trên 70%:

+ Nuôi thâm canh, mật độ từ 25 con/m² trở lên, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi bán thâm canh, mật độ từ 15 con/m² đến dưới 25 con/m², hỗ trợ 6.500.000 đồng/ha.

+ Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp), mật độ từ 02 con/m² đến dưới 15 con/m², hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% - 70%:

+ Nuôi thâm canh, mật độ từ 25 con/m² trở lên, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi bán thâm canh, mật độ từ 15 con/m² đến dưới 25 con/m², hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp), mật độ từ 02 con/m² đến dưới 15 con/m², hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng dưới 50 ngày tuổi.

- Bị thiệt hại trên 70%:

+ Nuôi mật độ từ 30 đến 60 con/m², hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi mật độ trên 60 con/m², hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% - 70%:

+ Nuôi mật độ từ 30 con/m² đến 60 con/m², hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi mật độ trên 60 con/m², hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích nuôi tôm càng xanh (mật độ từ 10 đến 20 con/m²) chỉ hỗ trợ cho tôm nuôi trong thời gian dưới 120 ngày tuổi.

- Bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha;

- Bị thiệt hại từ 30% - 70% , hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích nuôi cá tra thâm canh.

- Bị thiệt hại trên 70%:

+ Nuôi cá với mật độ từ 10 con/m² đến 30 con/m², hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi cá với mật độ trên 30 con/m², hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% - 70%:

+ Nuôi cá với mật độ từ 10 con/m² đến 30 con/m², hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi cá với mật độ trên 30 con/m², hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi cá lóc thâm canh.

- Bị thiệt hại trên 70%:

+ Nuôi cá với mật độ từ 10 con/m² đến 30 con/m², hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi cá với mật độ trên 30 con/m², hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% - 70%:

+ Nuôi cá với mật độ từ 10 con/m² đến 30 con/m², hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi cá với mật độ trên 30 con/m², hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

e) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa (cá chêm, thát lát cườm, cá bông lau, cá sặc rằn, cá rô đồng, cá kèo).

- Bị thiệt hại trên 70%:

+ Nuôi cá với mật độ từ 10 con/m² đến 30 con/m², hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi cá với mật độ trên 30 con/m², hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% - 70%:

+ Nuôi cá với mật độ từ 10 con/m² đến 30 con/m², hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi cá với mật độ trên 30 con/m², hỗ trợ 7.000.000 đồng/ha.

g) Diện tích nuôi nhuyển thả.

- Bị thiệt hại trên 70%:

+ Nuôi mật độ từ 150 con/m² đến 200 con/m², hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi mật độ trên 200 con/m², hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% - 70%:

+ Nuôi mật độ từ 150 con/m² đến 200 con/m², hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

+ Nuôi mật độ trên 200 con/m², hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha.

3. Đối với các loại cây trồng, vật nuôi (gia súc, gia cầm), thủy hải sản, sản xuất lâm nghiệp, sản xuất muối không quy định chi tiết về nội dung và mức hỗ trợ do thiên tai, dịch bệnh tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhưng được quy định tại Điều 5 Nghị định 02/2017/NĐ-CP thì áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ tối đa do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận thiên tai để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định này.

b) Tham gia thống kê, kiểm tra, xác nhận thiệt hại và tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và các cơ quan Trung ương theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn kịp thời các biện pháp khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch bệnh, công bố hết dịch bệnh để triển khai chính sách hỗ trợ tại Quyết định này (đối với các loại dịch bệnh thuộc thẩm quyền công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

c) Kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp ứng kinh phí của các địa phương, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí trên địa bàn; phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ứng kinh phí cho các huyện để hỗ trợ các đối tượng;

d) Chủ trì, đầu mối thực hiện chính sách, nắm bắt kịp thời vướng mắc trong quá trình thực hiện để xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện về trình tự thủ tục thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ đúng theo quy định.

b) Tham mưu cân đối bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Tham mưu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện):

a) Công bố dịch bệnh hoặc công bố hết dịch bệnh để triển khai chính sách hỗ trợ tại Quyết định này đối với các loại dịch bệnh thuộc thẩm quyền công bố của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn, đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách, chế độ;

c) Chỉ đạo các cơ quan liên quan báo cáo kịp thời tình hình thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên địa bàn để các cơ quan cấp tỉnh tham mưu văn bản công bố thiên tai hoặc công bố dịch bệnh theo quy định;

d) Sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, nguồn ngân sách cấp huyện, nguồn hợp pháp khác để giải quyết hỗ trợ kinh phí kịp thời cho từng xã để chi trả đủ theo mức quy định, đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng

đ) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) phối hợp với các cơ quan liên quan: phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kế hoạch và Tài chính, Phòng Kinh tế hạ tầng, các tổ chức hội,... thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước đến người nông dân. Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại các ấp, khóm theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách đối với các cá nhân, dân cư.

e) Chỉ đạo lập hồ sơ, chi trả, thanh, quyết toán đúng thời hạn, đảm bảo hồ sơ theo quy định.

g) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chịu trách nhiệm xác định chính xác đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ cho từng đối tượng, chi trả, thanh, quyết toán kinh phí đúng đối tượng, đúng chế độ, đúng thời hạn quy định, không để thất thoát, lãng phí và không để xảy ra tiêu cực.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2017.

2. Quyết định này thay thế và thay thế một phần các Quyết định:

- Thay thế Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định mức hỗ trợ giống thủy sản, hải sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Thay thế khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt định mức hỗ trợ trực tiếp cho người chăn nuôi có gia súc, gia cầm bị tiêu hủy và mức hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Thay thế khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đồng Văn Lâm